

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu đô thị Thành Hưng City1**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian, kiến trúc và cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 1179/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề xuất dự án xây dựng công trình đường Lý Thái Tổ theo hình thức Hợp đồng Xây Dựng – Chuyển giao (BT);

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Thành Hưng City1;

Xét đề nghị của Sở xây dựng Tuyên Quang tại Tờ trình số 1348/TTr-SXD ngày 19 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Thành Hưng City1, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Thành Hưng City1.

2. Địa điểm và ranh giới lập quy hoạch:

2.1. Địa điểm: Tại phường Tân Quang, phường Phan Thiết và phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Phạm vi ranh giới quy hoạch: Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: 105,68 ha, có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp với các khu ruộng lúa và đất canh tác hiện trạng
- Phía Nam giáp với trục đường Lê Lợi
- Phía Đông giáp với khu dân cư trục đường Quang Trung
- Phía Tây giáp với khu đất nông nghiệp phía Đông Quốc lộ 2 tránh.

3. Hiện trạng khu đất:

- Về hiện trạng dân cư:

Nằm trong khu vực đất canh tác nông nghiệp do vậy trong phạm vi dự án không có dân cư tập trung. Tuy nhiên có một số nhỏ hộ dân sinh sống chủ yếu là các hộ nông, lâm nghiệp và nhà ở nông thôn.

- Về Hiện trạng sử dụng đất:

Nhìn chung toàn bộ khu đất nghiên cứu thuộc khu vực có địa hình thấp trũng, đất đai chủ yếu là đất nông nghiệp. Khu đất phía Bắc giáp với dự án tuyến đường Lý Thái Tổ là khu vực có tương đối nhiều dân cư sinh sống.

Khu vực phía trong trung tâm khu đất ở phía giáp tuyến đường Lê Lợi có một khu dân cư tập trung không nằm trong ranh giới quy hoạch. Tuy nhiên trong quá trình lập quy hoạch cần nghiên cứu các giải pháp cải tạo, chỉnh trang và đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn để không làm ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của các hộ dân đang sinh sống trong khu vực.

4. Quy mô lập quy hoạch:

- Khu vực lập quy hoạch có diện tích 98,68 ha.
- Quy mô dân số khoảng 7.404 người.

5. Tính chất: Hình thành một khu đô thị với quy mô 98,68 ha được đầu tư đồng bộ với mục tiêu hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội của khu vực, với các điều kiện tiêu chuẩn sống tiện nghi phục vụ nhu cầu của người dân với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ theo tiêu chuẩn đô thị văn minh, hiện đại. Tạo ra một khu dân cư, với các công trình thương mại dịch vụ, công cộng, phúc lợi xã hội là động lực phát triển kinh tế cho khu vực.

6. Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết:

6.1. Phân khu chức năng, quy hoạch sử dụng đất đai và bố cục không gian kiến trúc cảnh quan:

a) Phân khu chức năng:

Cơ cấu các khu chức năng được bố trí hợp lý đảm bảo hiệu quả, linh hoạt và bền vững tuân thủ theo điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang đã được phê duyệt. Dựa trên những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, cơ cấu sử dụng đất, tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan được đưa ra cụ thể như sau:

- Khu đất ở: Bố trí xây dựng các loại hình nhà ở đa dạng, gồm: Nhà ở liền kề; Nhà ở biệt thự, nhà vườn; Nhà phố thương mại; Nhà ở tái định cư; Nhà ở xã hội (gồm 02 hình thức: Chung cư với tầng cao từ 3 tầng đến 5 tầng và Chia lô với tầng cao không quá 2 tầng, hệ số sử dụng đất không lớn hơn 2 lần).

- Khu đất công trình công cộng: Bố trí xây dựng các điểm nhà văn hóa dân phố với quy mô nhà văn hóa liên tổ; đất giáo dục; y tế; đất công cộng khu ở đáp ứng chỉ tiêu về sử dụng đất và nhu cầu cho dân cư toàn khu đô thị cũng như dân cư hiện hữu lân cận. Các công trình được thiết kế có chiều cao và mật độ xây dựng thấp, phù hợp với tính chất sử dụng, đặc điểm của từng hạng mục công trình.

- Khu đất thương mại - dịch vụ tổng hợp: Các điểm dịch vụ thương mại, đảm bảo bán kính phục vụ cho các khu ở trong khu vực quy hoạch và khu vực lân cận;

- Khu cây xanh: Bố trí hệ thống cây xanh, đường dạo tạo điểm nhấn cho đô thị, đồng thời bố trí các điểm cây xanh quy mô nhỏ kết hợp với hệ thống cây xanh, cảnh quan trên các trục đường góp phần cải thiện môi trường;

- Khu đất hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường dây, đường ống chủ yếu đi chìm đảm bảo mỹ quan và an toàn khi sử dụng.

b) Quy hoạch không gian kiến trúc:

- Đảm bảo kết nối hài hoà không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan của đồ án với không gian đô thị, không gian cảnh quan cây xanh, mặt nước trong khu vực.

- Để hài hòa với cảnh quan các khu vực xung quanh, các công trình nhà ở được bố trí theo hướng thấp tầng, duy trì tỷ lệ diện tích cây xanh và tổ chức bố trí theo hình thức phân tán, hình thành các không gian mở, công trình thương mại, dịch vụ có mật độ xây dựng phù hợp với Quy chuẩn, Tiêu chuẩn.

- Cụm các công trình công cộng: (nhà trẻ, nhà văn hóa,...), được bố trí đảm bảo bán kính phục vụ theo tiêu chuẩn.

- Các công trình điểm nhấn, dịch vụ có quy mô diện tích hợp lý kết hợp với giải pháp thiết kế kiến trúc linh hoạt, khai thác tốt các không gian mở, không gian xanh ở xung quanh.

- Các lối cây xanh bố trí trong từng nhóm ở vừa có tác dụng định hướng về không gian cảnh quan, đồng thời tạo thành những trục đi bộ kết hợp thương mại dịch vụ hiện đại, văn minh. Trên các lối cây xanh này có thể bố trí một số các công trình dịch vụ quy mô nhỏ dạng lắp ghép nhằm phát triển tính cộng đồng cao.

c) Quy hoạch sử dụng đất: Tổng diện tích khu đất quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị là 98.680m² (98,68 ha).

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Loại đất	Diện tích	Mật độ XD	Tầng cao	Hệ số SD đất	Số hộ	Số dân
		(m ²)	(%)	(Tầng)	(Lần)	(hộ)	(người)
	Tổng diện tích nghiên cứu lập QH	1.056.819,7					
A	Đất làng xóm hiện trạng	70.019,7					
B	Đất lập quy hoạch	986.800,0	28,5	5,50	1,57		
1	Đất ở	305.085,3	69,3	4,23	2,93	1725	7404
1,1	Đất nhà ở liền kề	98.876,3	78,0	4,50	3,51	824	3296
1,2	Đất nhà phố thương mại	91.941,4	75,0	4,50	3,38	766	3065
1,3	Đất biệt thự, nhà vườn	40.429,2	60,0	3,00	1,80	135	539
1,4	Đất nhà ở tái định cư	12.603,9	70,0	3,00	2,10	126	504
1,4	Đất nhà ở xã hội	61.234,5	67,1	3,98	2,67		0
2	Đất thương mại, dịch vụ công cộng	101.050,50	52,8	11,59	6,12		
3	Đất cây xanh mặt nước	142.068,70	2,1	1	0,02		
3,1	Đất cây xanh công viên	65.269,90	5,0	1,0	0,05		
3,2	Đất cây xanh khu nhà ở	4.533,00					
3,3	Đất mặt nước	72.265,80					
4	Đất công cộng khu ở	33.599,70	40,0	2,36	0,94		
4,1	Đất Trường THCS và Tiểu học	12.133,90	40,0	3,0	1,2		
4,2	Đất Trường mẫu giáo	3.262,70	40,0	2,0	0,8		
4,3	Đất Trường mẫu giáo	4.872,70	40,0	2,0	0,8		
4,4	Đất công cộng khu ở	2.637,50	40,0	2,0	0,8		
4,5	Đất công cộng khu ở	2.393,00	40,0	2,0	0,8		
4,6	Đất công cộng khu ở	1.660,30	40,0	2,0	0,8		
4,7	Đất trạm y tế	3.613,00	40,0	2,0	0,8		
4,8	Đất công cộng khu ở	3.026,60	40,0	2,0	0,8		
5	Đất hạ tầng kỹ thuật, taluy, rãnh thoát nước	16.346,60					
6	Đất bãi đỗ xe	8.226,00					
7	Đất giao thông	380.423,19					

6.2. Nội dung quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông:

Các tuyến đường cấp khu vực được cập nhật từ Quy hoạch chung TP Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

* Đường cấp khu vực:

- Tuyến đường khu vực có mặt cắt 1-1, tuyến chạy qua trung tâm khu quy hoạch từ phía Đông (giao đường Lý Thái Tổ) sang phía Tây (tuyến đường trục chính của thành phố Tuyên Quang). Chỉ giới đường đỏ rộng 40m bao gồm lòng

đường xe chạy rộng mỗi bên 10,5m, dải phân cách giữa rộng 7m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 6m;

- Tuyến đường khu vực có mặt cắt 2-2 (đường Lý Thái Tổ), chỉ giới đường đỏ rộng 36,5m bao gồm lòng đường xe chạy rộng 10,5m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 5m, dải phân cách giữa rộng 3,5m;

- Tuyến đường khu vực có mặt cắt 3-3, Tuyến chạy dọc ranh giới phía Nam và Đông Nam khu quy hoạch. Chỉ giới đường đỏ rộng 23m bao gồm lòng đường xe chạy rộng 13m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 5m;

- Tuyến đường khu vực có mặt cắt 4-4 kết nối cửa ngõ khu vực phía Nam, chỉ giới đường đỏ rộng 39m bao gồm lòng đường xe chạy rộng hai bên mỗi bên 7,5m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 6m, dải phân cách giữa rộng 12m (trên phân cách của tuyến đường có tuyến đường điện đi nổi 220kv);

- Tuyến đường khu vực có mặt cắt 5-5, chỉ giới đường đỏ rộng 33,5m bao gồm lòng đường xe chạy rộng mỗi bên 7,5m, vỉa hè phía nằm trong ranh giới quy hoạch rộng 5m, vỉa hè phía còn lại rộng 3,5m, dải phân cách giữa rộng 10m (trên phân cách của tuyến đường có tuyến đường điện đi nổi 220kv);

* Đường phân khu vực:

- Tuyến đường phân khu vực có mặt cắt 6-6, chỉ giới đường đỏ rộng 20,5m bao gồm lòng đường xe chạy rộng 10,5m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 5m;

- Tuyến đường phân khu vực có mặt cắt 7-7, chỉ giới đường đỏ rộng 27,0m bao gồm lòng đường xe chạy mỗi bên rộng 5,5m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 3,75m, dải phân cách giữa rộng 8,5m;

- Tuyến đường phân khu vực có mặt cắt 7'-7', chỉ giới đường đỏ rộng 34,0m bao gồm lòng đường xe chạy mỗi bên rộng 6,5m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 3,75m, dải phân cách giữa rộng 13,5m;

- Tuyến đường phân khu vực có mặt cắt 8-8, hướng tuyến chạy hai bên kênh thoát nước, chỉ giới đường đỏ rộng 14m, bao gồm lòng đường xe chạy mỗi bên rộng 7,5m, vỉa hè một bên rộng 5m, bên còn lại rộng 1,5m;

* Đường nội bộ:

- Tuyến đường nội bộ có mặt cắt 9-9, chỉ giới đường đỏ rộng 13,5m, bao gồm lòng đường xe chạy rộng 6m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 3,75m;

- Tuyến đường nội bộ có mặt cắt 10-10, chỉ giới đường đỏ rộng 12m, bao gồm lòng đường xe chạy rộng 6m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 3m;

b) San nền:

- + Cao độ san nền được xác định trên cơ sở Quy hoạch chung mở rộng thành phố Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030 đang triển khai, Quốc lộ 2 tránh, đường Lý Thái Tổ và đường Lê Lợi.

- + Cao độ tìm đường tại các ngã giao nhau được xác định trên cơ sở các cao độ đã khống chế, quy hoạch mạng lưới cống thoát nước mưa, đảm bảo độ sâu chôn cống.

- + Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế. Độ dốc mái nền thiết kế $i > 0,004$, đảm bảo thoát nước tự chảy.

- + Cao độ san nền thấp nhất là 25.30m.

- + Cao độ san nền cao nhất là 43.00m.

c) Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường:

* Thoát nước mưa:

- Hệ thống: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa thoát nước mưa và thoát nước thải.

- Lưu vực thoát nước: Dựa vào nguồn tiếp nhận và hướng dốc địa hình chia khu vực thiết kế thành ba lưu vực thoát nước:

- + Lưu vực 1: Khu vực phía Tây nước mưa được thu gom qua hệ thống cống thoát nước mưa rồi thu vào hồ cảnh quan trung tâm và 2 tuyến cống D1000 giữa lưu vực.

- + Lưu vực 2 (Khu trung tâm): Nước mưa được thu gom và thoát ra 2 tuyến cống hộp trên đường Lê Lợi.

- + Lưu vực 3 (Khu vực phía Đông): Nước mưa được tập trung thu gom, chảy vào kênh mặt nước và 2 tuyến cống D1500 trước khi xả ra sông Lô phía Đông Nam dự án.

- Kết cấu và mạng lưới:

- + Kết cấu dùng hệ thống cống thoát nước đi trên vỉa hè và dưới lòng đường.

- + Cống tròn: D600, D800, D1000, D1500.

- + Ga thu nước: Bố trí ga thu trực tiếp đối với các tuyến đường có bề rộng lòng đường <8m, ga thu thăm kết hợp đối với các tuyến có lòng đường >8m.

* Thoát nước thải:

- Nước thải sau khi qua xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, được thu vào rãnh B300 dọc theo các dãy công trình. Nước thải từ các rãnh B300 được tập trung về các cống D300, D400, D500 xây dựng dọc theo các tuyến đường chính và được dẫn về trạm xử lý nước thải của khu đô thị.

- Đường cống tự chảy $D \geq 300\text{mm}$ bê tông cốt thép được sử dụng tại các trục thu gom chính.

- Rãnh B300 xây bằng gạch được sử dụng để thu gom nước thải từ các hộ gia đình và dẫn về đường cống chính.

- Trên các đoạn cống đường kính D300, D400, D500 bố trí các giếng thăm.

* Vệ sinh môi trường:

- Đối với khu vực xây dựng nhà cao tầng: Có hệ thống thu gom chất thải rắn thải từ trên cao xuống bể chất thải rắn cho từng đơn nguyên.

- Đối với khu vực xây dựng nhà thấp tầng: Chất thải rắn thải sinh hoạt được thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay theo giờ cố định hoặc thu gom vào các thùng chất thải rắn và công ten nơ kín dung tích tối thiểu là 100lít và không lớn hơn 700 lít. Số lượng, vị trí các thùng và công ten nơ chứa chất thải rắn được tính toán theo bán kính phục vụ khoảng 100m/thùng. Thu gom và vận chuyển hàng ngày về các điểm tập kết chất thải rắn cố định, sau đó xe chuyên dụng của cơ quan chức năng sẽ chuyên chở đến nơi xử lý chất thải rắn quy định của thành phố.

- Đối với khu vực nhà trẻ mẫu giáo chất thải rắn thải được thu gom và vận chuyển thông qua hợp đồng trực tiếp với đơn vị chức năng.

- Trên các trục đường cần đặt các thùng rác công cộng có dung tích từ 150- 300L với khoảng cách của các thùng rác từ 50m - 80m/1thùng để dân thuận tiện bỏ rác.

d) Quy hoạch cấp điện:

- Trong khu vực dự án có tuyến điện cao thế 220KV và tuyến cao thế 110KV, giải pháp là giữ nguyên 2 tuyến này và đảm bảo hành lang cách ly an toàn điện.

- Tuyến điện nổi trung thế 35kV chạy qua dự án, dự kiến các tuyến điện trung thế này sẽ được di dời, nắn chỉnh theo đường quy hoạch. Giải pháp kỹ thuật sẽ được cụ thể ở giai đoạn thực hiện dự án khi Chủ đầu tư làm việc với điện lực địa phương.

- Thiết kế mới 22 TBA cấp điện cho toàn bộ dự án với nhu cầu 25.309KVA.

- Các trạm biến áp trong khu đô thị được đặt kết hợp trong các ô đất cây xanh vườn hoa hoặc trong khuôn viên của các công trình. Hình thức xây dựng trạm biến áp theo kiểu kín (trạm xây hoặc kios hợp bộ) của trạm quay ra ngoài.

- Các tủ điện có thể đặt bên trong công trình hoặc ngoài trời, trên vỉa hè, tại ranh giới giữa 2 công trình (cấp cho khu nhà thấp tầng, quy mô từ 4-8 hộ /1 tủ phân phối).

- Từ các trạm biến áp có các lộ hạ thế 0,4kV cấp điện chiếu sáng cảnh quan và chiếu sáng đường phố.

- Tại các vị trí đặc biệt như ngã ba, ngã tư thiết kế chiếu sáng tăng cường.

- Toàn bộ tuyến chiếu sáng được dùng cáp cách điện, bọc thép đi trong rãnh

e) Quy hoạch cấp nước:

- Từ nhà máy nước, nước được cấp đến khu đô thị theo các đường ống cấp nước phân phối D200, D150.

- Cấu trúc mạng lưới cấp nước: Mạng đường ống kết hợp giữa cấp nước sinh hoạt và cấp nước cứu hỏa.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế sử dụng hỗn hợp giữa mạng lưới vòng và mạng cụt. Các ô mạng lưới có cấu tạo độc lập với nhau, mỗi ô gồm: đường ống phân phối, đường ống dịch vụ và đồng hồ khách hàng.

- Hệ thống mạng lưới truyền dẫn và phân phối chính trong khu vực được xác định trên cơ sở định hướng điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đang triển khai đảm bảo cấp nguồn cho khu quy hoạch và khớp nối với hệ thống cấp nước trong khu vực.

- Hạng cứu hỏa được bố trí trên phần hè của các tuyến đường quy hoạch.

Khoảng cách giữa các hạng cứu hỏa từ 100m – 150m.

- Tại các công trình (nhà hỗn hợp, nhà chung cư, trường học, nhà ở thấp tầng) thiết kế bể chứa ngầm phải đảm bảo dung tích nước sinh hoạt và dự trữ lượng nước chữa cháy cho công trình.

f) Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc cho khu vực được đấu nối với hệ thống thông tin liên lạc chung của thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Sở Xây dựng, Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Hưng và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Hưng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- CV: ĐTXD;
- Lưu VT. (VH 20)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thục

